

Thứ sáu, ngày 19 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index hồi về gần tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/5/2023		●	
Tuần 22/5-26/5/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giảm điểm từ lúc mở cửa, tuy nhiên sau khi lùi đến ngưỡng hỗ trợ 1,055, VN-Index bật tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,067.07, giảm hơn 1 điểm so với phiên hôm qua. Số mã giảm áp đảo số mã tăng, trong khi 10/19 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào 1 số mã nhất định. Dẫn đầu đà tăng hôm nay là ngành Dầu khí, các ngành giảm điểm có mức giảm không lớn. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì xu hướng đi ngang trong những phiên tới nếu không có thông tin tích cực hỗ trợ.

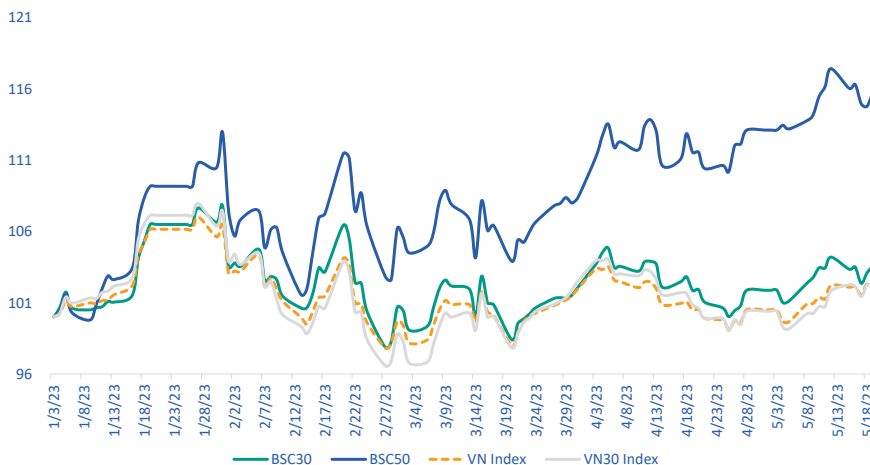
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, VN30F2307 biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.24** điểm, đóng cửa **1067.07** điểm. HNX-Index **+0.9** điểm, đóng cửa **213.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.91)**, **GVR (+0.4)**, **STB (+0.31)**, **CTG (+0.3)**, **VND (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.98)**, **VCB (-0.95)**, **VIC (-0.67)**, **BID (-0.32)**, **VNM (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,585** tỷ đồng, tăng **3.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **13,361** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **11.59** điểm. Thị trường có **168** mã tăng, **50** mã tham chiếu, **212** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1009.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STG (1316.42 tỷ)**, **VHM (41.2 tỷ)**, **VRE (24.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.32** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1067.07**
Giá trị: 10584.89 tỷ **-1.24 (-0.11%)**
Khối ngoại (ròng): 1009.32 tỷ

HNX-INDEX **213.91**
Giá trị: 1602.43 tỷ **0.9 (0.42%)**
Khối ngoại (ròng): 3.32 tỷ

UPCOM-INDEX **81.08**
Giá trị: 591.61 tỷ **0.17 (0.21%)**
Khối ngoại(ròng): 12.73 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	72.3	0.67%
Giá vàng	1,966	0.42%
Tỷ giá USD/VND	23,680	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,307	0.25%
Tỷ giá JPY/VND	16,986	0.39%
LS liên NH 1 tháng	5.0%	0.09%
LS TPCP 5 năm	2.6%	0.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STG	1316.42	STB	-53.69
VHM	41.20	SHB	-44.42
VRE	24.80	VNM	-43.32
KDH	16.02	HPG	-34.89
TLG	12.56	NVL	-27.74

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/5

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Hợp đồng dầu Brent kết thúc phiên giảm 1.10 USD, tương đương 1.4%, xuống mức 75.86 USD/thùng. Dầu thô Tây Texá của Mỹ (WTI) giảm 97 cent, tương đương 1.3%, xuống mức 71.86 USD.
- Giá dầu giảm khoảng 1% vào thứ Năm sau khi dữ liệu kinh tế vững chắc của Mỹ thúc đẩy đồng USD lên mức cao nhất trong 2 tháng do kỳ vọng ngày càng tăng rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể tăng lãi suất trở lại vào tháng Sáu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay chốt phiên giảm 1.3% xuống 1,956.79 USD/ounce, sau khi trước đó chạm mức thấp nhất kể từ ngày 3 tháng 4 ở mức 1,951.73 USD. Giá vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 1.3% xuống 1,959.80 USD.
- Giá vàng kéo dài xu hướng giảm vào thứ Năm sau khi các số liệu kinh tế mạnh mẽ hơn từ Mỹ càng làm tăng thêm khả năng Cục Dự trữ Liên bang có thể thúc đẩy các đợt tăng lãi suất, với vàng thời cũng bị áp lực bởi sự lạc quan đối với một thỏa thuận trần nợ.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) đã kết thúc phiên với mức tăng 1.91% lên 746.5 nhân dân tệ (108.00 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 20 tháng 4. Tuy nhiên, quặng sắt giao tháng 6 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 0.73% xuống 107.35 USD/tấn, sau khi leo lên mức cao nhất trong hơn ba tuần là 108.14 USD vào thứ Tư.
- Giá quặng sắt kỳ hạn trên sàn Đại Liên kéo dài mức tăng phiên thứ tư liên tiếp, được hỗ trợ bởi biên lợi nhuận thép cải thiện, sản xuất nổi lại và lượng hàng tồn kho liên tục ở mức thấp tại các nhà máy thép Trung Quốc.

Giá nông sản

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn trên sàn ICE giảm vào thứ Năm do các nhà đầu tư cân nhắc nguồn cung khan hiếm tại nhà sản xuất hàng đầu Việt Nam trước thông tin vụ thu hoạch đang tăng tốc ở Brazil. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 42 USD, tương đương 1.6%, xuống 2,540 USD/tấn.

Thị trường chứng khoán thế giới

	19/5	% 19/5	18/5	% 18/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1067.07	-0.12%	1068.31	2.62%	0.02%	1.35%
S&P 500			4198.05	0.94%	1.63%	1.04%
HDTL S&P500	4214.50	0.06%	4212.00	3.58%	1.85%	0.86%
Shang-hai	3283.54	-0.42%	3297.32	2.64%	0.34%	-1.64%
Euro Stoxx	4390.89		4367.45	13.86%	1.69%	-0.06%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/5/2023	CTD	64.6	72	61	63.3	7	-2.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/4/23	VGT	11.6	13.5	10.65	11.5	22	-0.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/3/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.8	73	3.32%	Có thể tiếp tục mua
2/3/2023	DDV	8.6	10	8	9.3	78	8.14%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

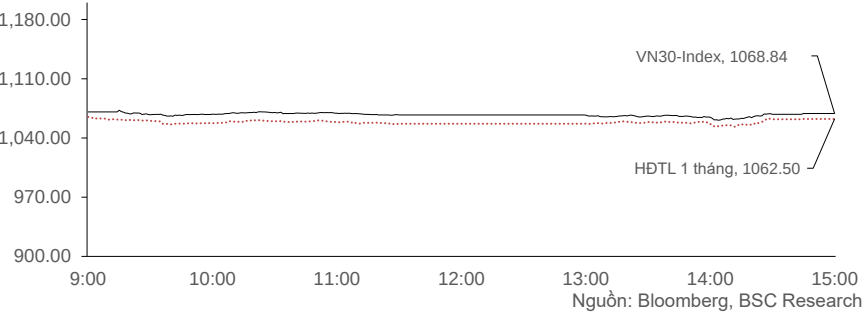
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích:		Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	2	5.73%	-1.44%	2.15%	45
Cổ phiếu đã chốt	252	232	6.97%	-7.45%	3.99%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1056.80	-0.13%	-12.04	121.8%	122	12/21/2023	216
VN30F2307	1061.00		-7.84		672	7/20/2023	62
VN30F2306	1062.50	-0.05%	-6.34	788.8%	230,092	6/15/2023	27
VN30F2309	1058.00	-0.05%	-10.84	442.7%	407	9/21/2023	125

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.92 điểm xuống 1068.84 điểm, biên độ dao động 12.05 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, MSN, VNM, và HPG đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên tong sắc đỏ sau 1 ngày giằng co. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, VN30F2307 biến động trái chiều. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2307, VN30F2309 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2214	11/1/2023	166	10:1	6,900	24.20%	1,870	1,440	2.86%	1,039	1.39	81,200	76,000	82,800
CHPG2226	9/5/2023	109	2:1	101,800	48.73%	1,510	2,180	0.93%	1,837	1.19	96,000	19,500	21,800
CFPT2212	6/6/2023	18	10:1	225,300	24.20%	1,850	1,260	0.80%	1,295	0.97	88,200	70,000	82,800
CFPT2301	6/27/2023	39	6:1	4,400	24.20%	1,800	1,040	0.00%	363	2.86	87,100	84,000	82,800
CFPT2302	8/16/2023	89	10:1	100	24.20%	1,900	970	0.00%	339	2.86	89,600	85,000	82,800
CHPG2302	9/27/2023	131	2:1	4,200	48.73%	1,000	2,500	0.00%	1,811	1.38	25,040	20,000	21,800
CMBB2211	8/31/2023	104	4:1	100,000	38.96%	2,120	100	0.00%	20	4.90	24,900	27,000	18,650
CMBB2213	6/6/2023	18	3:1	30,700	38.96%	2,800	590	0.00%	591	1.00	26,140	17,000	18,650
CHPG2304	8/16/2023	89	2:1	91,900	48.73%	2,300	1,150	-0.86%	849	1.36	23,360	23,000	21,800
CHPG2225	6/6/2023	18	3:1	225,900	48.73%	2,300	1,660	-2.35%	1,613	1.03	98,100	17,000	21,800
CACB2208	9/5/2023	109	4:1	10,700	35.43%	1,100	1,240	-2.36%	1,058	1.17	25,900	21,500	24,950
CFPT2210	8/31/2023	104	10:1	155,100	24.20%	1,300	340	-2.86%	205	1.66	29,260	90,000	82,800
CFPT2213	9/5/2023	109	10:1	29,600	24.20%	2,350	1,280	-3.03%	1,033	1.24	94,700	74,500	82,800
CHPG2303	7/17/2023	59	1:1	3,900	48.73%	1,550	1,680	-4.00%	949	1.77	21,290	23,900	21,800
CHPG2305	8/7/2023	80	2:1	5,900	48.73%	2,400	660	-4.35%	746	0.89	24,500	23,200	21,800
CHPG2301	6/27/2023	39	2:1	95,500	48.73%	1,000	1,890	-4.55%	1,599	1.18	23,199	19,000	21,800
CHPG2306	11/9/2023	174	3:1	2,137,300	48.73%	1,970	1,140	-5.00%	1,343	0.849	23,300	20,000	21,800
CFPT2303	11/9/2023	174	10:1	195,500	24.20%	2,240	720	-5.26%	494	1.46	94,500	86,000	82,800
CHPG2227	11/1/2023	166	2:1	1,733,800	48.73%	1,100	2,150	-5.29%	1,843	1.17	19,589	20,500	21,800
CACB2301	8/7/2023	80	2:1	97,100	35.43%	1,400	230	-8.00%	380	0.61	26,660	27,700	24,950
Tổng				5,255,600	37.84%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2208 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 0.05%. Giá trị giao dịch tăng 109.49%. CACB2208 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 0.05%.
- CMSN2214, CMWG2213, CVRE2219, và CACB2301 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
STB	27.85	2.39	1.27
VPB	19.30	0.26	0.24
TCB	29.65	0.34	0.24
MWG	38.30	0.52	0.23
GAS	94.90	2.04	0.19
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VHM	54.1	-1.64	-1.01
VIC	52.5	-1.32	-0.83
MSN	72.4	-1.09	-0.53
VNM	68.6	-0.87	-0.52
HPG	21.8	-0.68	-0.50
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	94.90	2.04	0.91	861600
GVR	16.25	2.52	0.40	2.49MLN
STB	27.85	2.39	0.31	24.34MLN
CTG	28.00	0.90	0.30	2.09MLN
VND	16.10	3.87	0.18	72.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	54.10	-1.64	-1	1.84MLN
VCB	94.20	-0.84	-1	439900
VIC	52.50	-1.32	-1	1.93MLN
BID	44.40	-0.56	0	603200
VNM	68.60	-0.87	0	1.20MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

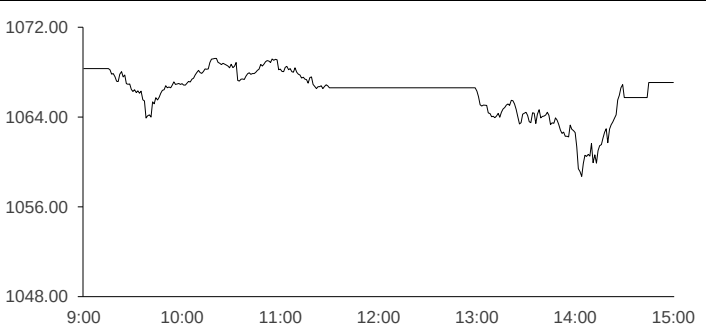
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ST8	19.90	6.99	0.01	134800.00
EVE	17.75	6.93	0.01	1.83MLN
SGR	19.45	6.87	0.02	163500
TLG	56.10	6.86	0.07	363700
SVT	12.30	6.49	0.00	36700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	54.10	-1.64	-0.98	1.84MLN
VCB	94.20	-0.84	-0.95	439900
VIC	52.50	-1.32	-0.67	1.93MLN
BID	44.40	-0.56	-0.32	603200
VNM	68.60	-0.87	-0.31	1.20MLN

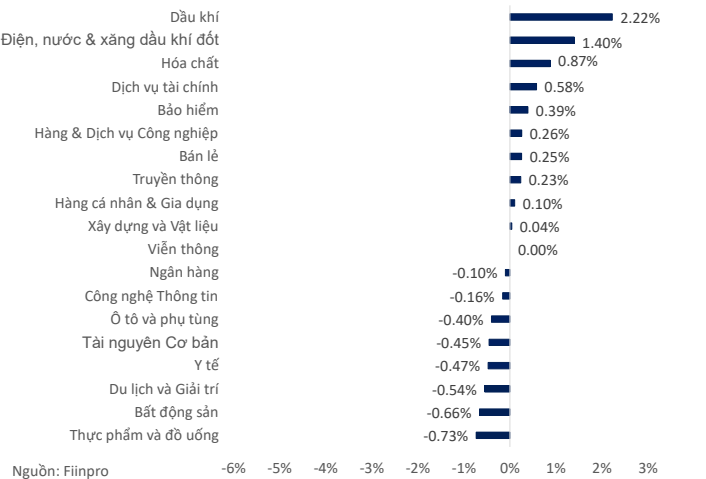
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	28.30	6.39	0.67	16.01MLN
SHS	11.00	1.85	0.25	13.87MLN
CEO	25.40	1.60	0.13	5.82MLN
PVI	51.00	4.08	0.12	27800.00
IDC	38.80	0.78	0.11	1.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.30	-2.21	-0.25	190500
L14	45.70	-8.60	-0.15	2.34MLN
BAB	13.60	-0.73	-0.12	3300
DDG	8.90	-7.29	-0.06	4.43MLN
S99	9.90	-4.81	-0.05	582200

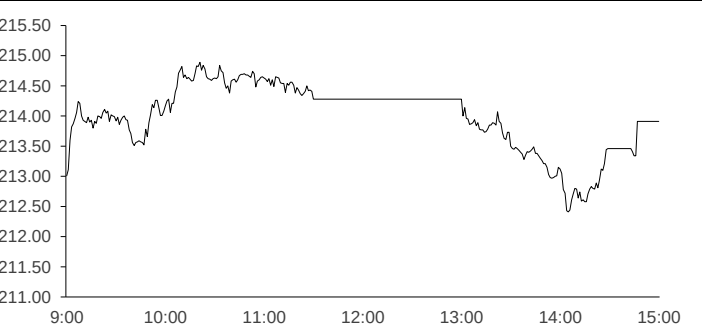
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGC	83.30	9.8	0.02	100
KTT	3.40	9.7	0.00	35300
HJS	36.70	9.6	0.02	200
TTC	10.80	9.1	0.00	4200
X20	8.40	9.1	0.01	200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

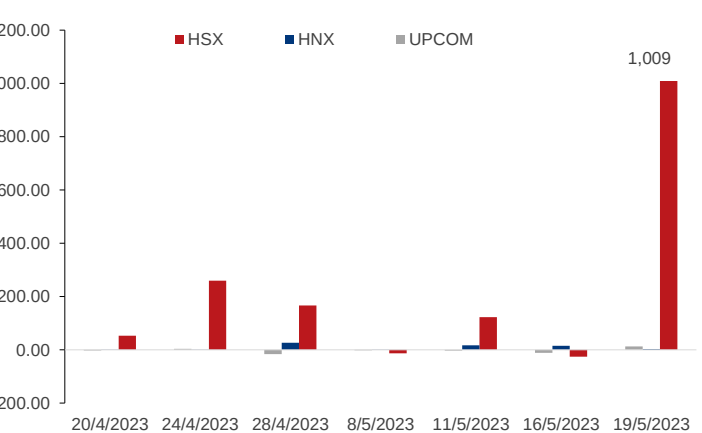
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KHS	16.70	-16.50	-0.03	600
VDL	15.50	-9.88	-0.01	6000
NFC	12.70	-9.29	-0.01	100
VC1	8.20	-8.89	-0.01	500
VMS	14.50	-8.81	-0.01	300

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

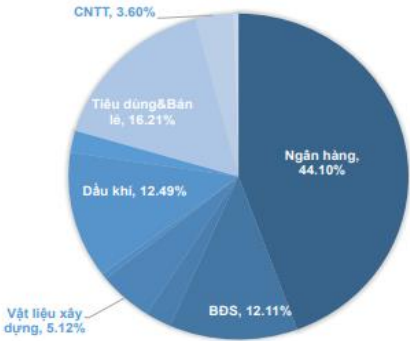
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	94.2	-0.8%	0.9	19,383	1.8	7,311	12.9	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	-0.6%	1.0	9,765	1.2	4,208	10.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	0.3%	1.1	5,633	5.5	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	29.7	0.3%	1.4	4,534	4.4	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.7	0.3%	1.4	3,676	3.1	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	27.9	2.4%	1.3	2,283	29.2	4,640	6.0	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	16.3	2.5%	1.1	2,826	1.7	4,603	3.5	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	27.0	2.1%	1.7	901	9.2	4,880	5.5	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	38.8	0.8%	1.7	557	2.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	37.2	0.9%	1.6	725	1.3	1,217	30.6		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.8	-0.7%	1.0	5,511	10.9	1,916	11.4	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54.1	-1.6%	0.9	10,242	4.4	1,896	28.5	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	28.0	-0.4%	1.2	2,766	3.5	5,227	5.4	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.5	0.5%	0.4	918	1.5	1,576	18.7	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	32.0	0.6%	1.5	534	1.4	2,557	12.5	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	50.2	-0.4%	1.5	829	3.8	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	32.2	-2.0%	1.3	547	3.6	6,793	4.7	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.6	-1.5%	0.8	542	3.7	2,625	9.0	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	94.9	2.0%	0.8	7,897	3.5	2,292	41.4	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.6	0.4%	1.1	2,077	1.0	1,340	28.1	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	28.3	6.4%	1.3	588	19.3	993	28.5	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	4.7%	1.6	567	11.9	7,698	3.0	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.5	0.7%	1.2	1,375	6.6	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	68.6	-0.9%	1.2	6,234	3.6	2,605	26.3	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	72.4	-1.1%	1.1	4,482	2.4	3,456	20.9	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	38.3	0.5%	1.3	2,437	2.7	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.5	-1.4%	0.7	1,034	1.0	2,965	24.5	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	57.7	-0.2%	1.2	460	1.0	12,800	4.5	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.4	-1.4%	0.7	660	0.5	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	82.8	-0.1%	0.8	3,976	3.9	5,901	14.0	91,900	49.0%	Link

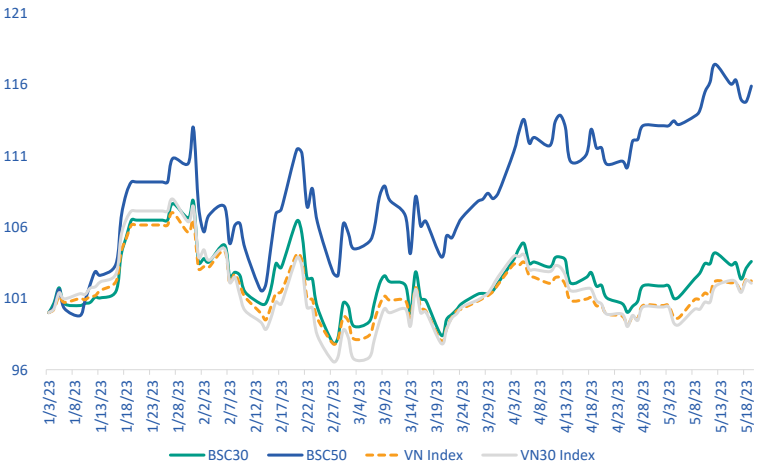
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.45%	0.96%	-0.12%	-0.18%
1 tuần	-0.58%	-1.30%	0.02%	0.23%
1 tháng	1.69%	3.88%	1.72%	1.20%
3 tháng	-1.83%	4.25%	-1.40%	-1.12%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.0	0.9%	1.2	5,850	2.5	3,520	8.0	1.2	27.7%	16.1%
ACB	Ngân hàng	25.0	-0.2%	1.1	3,664	4.3	4,304	5.8	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.4	0.0%	0.9	2,122	1.2	3,149	6.2	1.2	19.6%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.0	0.0%	1.6	1,052	3.8	2,732	5.1	1.0	4.5%	19.9%
VIB	Ngân hàng	21.4	-0.2%	1.3	1,961	4.1	4,163	5.1	1.4	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	16.1	3.9%	2.1	852	50.3	489	32.9	1.3		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.5	0.2%	1.1	1,613	1.1	4,030	5.8	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	22.9	0.4%	1.7	1,493	15.7	1,120	20.4	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	15.1	2.0%	1.8	165	2.9	218	69.2	0.7	10.1%	1.0%
C4G	Xây dựng	12.9	2.4%	2.1	140	1.6	791	16.3	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	63.3	-1.1%	1.9	203	1.6	184	344.1	0.6	48.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	13.3	1.1%	1.6	177	2.4	966	13.7	0.6	2.0%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.1	1.3%	2.1	99	2.7	781	15.4	0.9	3.4%	5.9%
BCM	KCN	77.9	-0.8%	0.9	3,506	0.1	1,170	66.6	4.8	2.8%	8.1%
HUT	KCN	16.9	1.2%	1.5	256	1.0	162	104.4	1.5	1.9%	1.4%
PHR	KCN	43.2	4.1%	1.4	255	2.2	6,039	7.2	1.7	15.2%	24.1%
SZC	KCN	33.1	1.4%	1.8	144	1.2	1,323	25.0	2.1	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.6	0.6%	2.1	404	4.2	(1,754)		0.9	16.9%	-9.6%
HT1	Vật liệu	13.8	0.0%	1.5	229	0.3	386	35.7	1.1	3.3%	2.9%
NKG	Vật liệu	14.6	0.3%	2.2	167	2.4	(2,586)		0.7	11.9%	-11.8%
PTB	Vật liệu	46.1	0.5%	1.0	136	0.2	6,017	7.7	1.2	13.8%	19.5%
KSB	Vật liệu	25.0	0.8%	1.7	83	0.9	1,393	17.9	1.0	5.2%	5.6%
NVL	BDS	13.2	-0.8%	1.0	1,119	6.9	362	36.4	0.7	6.1%	1.9%
DXG	BDS	14.1	2.2%	2.2	374	7.2	(240)		0.9	20.4%	-1.6%
HDC	BDS	34.5	1.9%	1.4	162	1.4	3,157	10.9	2.0	1.7%	20.9%
DIG	BDS	20.5	5.9%	2.5	544	27.4	262	78.3	1.8	5.4%	2.1%
IJC	BDS	14.0	1.1%	2.1	153	1.3	1,662	8.4	0.9	5.9%	11.2%
BSR	Dầu khí	16.6	1.8%	1.6	2,238	7.2	4,750	3.5	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	20.6	1.5%	1.3	290	3.4	2,740	7.5	1.1	16.3%	15.4%
PLC	Săm lốp	33.6	-1.5%	1.8	118	0.5	1,355	24.8	2.2	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.0	0.0%	1.3	108	0.2	2,246	9.3	1.3	8.7%	14.4%
REE	Tiện ích	58.7	1.2%	0.8	1,043	0.8	6,714	8.7	1.5	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	14.2	1.4%	1.9	524	6.1	10	1417.0	1.0	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	31.8	2.8%	0.8	397	1.7	3,245	9.8	2.0	15.8%	20.9%
HDG	Tiện ích	34.2	0.9%	1.5	364	1.6	4,718	7.2	1.5	21.3%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.8	1.6%	1.3	339	2.2	1,257	22.9	1.5	8.1%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.2	1.9%	1.1	226	2.4	956	16.9	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	8.5	1.3%	2.1	198	2.2	220	38.7	0.7	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	160.7	-1.0%	0.2	4,481	0.5	7,649	21.0	4.3	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	45.6	0.4%	0.5	708	0.7	4,226	10.8	1.8	19.3%	17.5%
FRT	Bán lẻ	62.3	-0.3%	1.4	321	0.8	1,863	33.4	3.7	29.5%	11.5%
DGW	Bán lẻ	33.1	0.2%	1.7	240	1.0	3,397	9.7	2.2	22.3%	24.7%
DBC	Bán lẻ	18.1	4.9%	2.0	190	6.2	(1,339)		1.0	5.8%	-7.2%
PET	Bán lẻ	24.3	-0.2%	2.3	104	0.5	1,026	23.6			4.3%
BAF	Bán lẻ	22.9	1.1%		143	2.2	1,409	16.3	1.7	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	32.2	-2.0%	1.6	186	2.2	4,368	7.4	1.4	6.2%	20.1%
VSC	Logistics	27.7	-0.4%	0.4	146	0.1	2,087	13.3	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	39.0	-1.1%	1.0	119	2.0	9,072	4.3	1.1	8.5%	34.4%
CTR	Công nghệ	66.7	1.5%	1.3	332	0.4	4,040	16.5	4.4	10.8%	29.3%
TNG	Dệt may	19.2	1.1%	1.7	88	1.2	2,879	6.7	1.2	15.7%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639